

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 21/8/2017.

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Lân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Bà Trần Thu Hằng.
2, Ông Dương Xuân Đỉnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc Kh, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 2, thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 2, thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

- Có mặt: Các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ghi ngày 27 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Quốc Kh trình bày:

1, Về tình cảm: Ông và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình với nhau ngày 12/3/1979, do hoàn cảnh gia đình neo người làm, bố mẹ ông tìm sẵn cho nên ông cũng đồng ý lấy bà T mà không được tìm hiểu, hai người có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Cưới xong, bà T về làm dâu nhà ông ngay, ở chung nhà với bố mẹ và các em ông tại nhà đất của gia đình ông có từ trước ở xóm 2, thôn C, xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội đến nay.

Do vợ chồng không được tìm hiểu nhau nên ngay từ những ngày đầu chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên, do điều kiện ông đi làm công nhân ở Nhà

máy ĐH, ở thị trấn Đ, bà T ở nhà làm ruộng cùng gia đình nên những va chạm trong sinh hoạt gia đình giữa ông và bà T có xảy ra nhưng không gay gắt, căng thẳng. Chỉ từ năm 2015 đến nay, khi ông nghỉ hưu về sinh hoạt hàng ngày tại gia đình, mâu thuẫn vợ chồng mới thường xuyên xảy ra và ngày càng sâu sắc. Nguyên nhân chính là do bà T nghi ngờ lòng chung thủy của ông, cho rằng ông quan hệ ngoại tình với nhiều người, mặc dù điều đó là hoàn toàn không đúng sự thật, mà chỉ là quan hệ bạn bè đồng nghiệp làm với nhau cùng công ty từ thời còn trẻ, khi về hưu thỉnh thoảng một năm mới có điều kiện gặp nhau giao lưu một hai lần. Bà T lôi kéo các con và anh em gia đình bên chồng cô lập ông, đối xử với ông không có tình nghĩa vợ chồng, cha con, anh em gì. Tháng 4/2016, khi ông ốm đau, bệnh tật, ông phải tự đi viện khám điều trị, vợ con không ai quan tâm, hỏi thăm, ông phải đi mua thuốc chữa bệnh thiếu tiền bà T cũng không đưa. Con gái lớn là chị H còn nói với ông “Nhà này không ai cần ông, ông đi đâu thì đi”, con trai là anh Tr chỉ tay vào mặt ông nói “Tôi sẽ chôn mắt nhìn ông chết mà không có một nén hương”,...gây nên không khí trong gia đình căng thẳng, đối xử với nhau không có tình nghĩa gì, ông phải tách ra làm ăn riêng một mình từ tháng 9/2016 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T không còn, hôn nhân không hạnh phúc, ông xin được ly hôn bà T để sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

2, Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1985 và Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1987. Các con gái đều đã lấy chồng ở riêng, còn anh Tr có việc làm ổn định tự lập được về kinh tế. Khi ông và bà T ly hôn, không phải giải quyết về cấp dưỡng, anh Tr ở với ai là do anh quyết định.

3, Về tài sản, công sức chung: Ông và bà T tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên ông không kê khai đề yêu cầu Tòa án giải quyết.

4, Về nợ và đất nông nghiệp chung: Ông và bà T không có nên không phải đặt ra giải quyết.

Tại Đơn kiến nghị ghi ngày 23 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án, bị đơn trong vụ án là bà Nguyễn Thị T trình bày:

1, Về tình cảm: Bà nhất trí với ông Kh khai về thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng hiện nay. Theo bà, vợ chồng lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện. Trong suốt gần 40 năm chung sống, vợ chồng rất hòa thuận, hạnh phúc. Ông Kh làm công nhân chế tạo động cơ điện, bà ở nhà làm ruộng cùng mẹ chồng và các em ông Kh, không để xảy ra bất kỳ chuyện va chạm, mâu thuẫn gì. Khi các con gái trưởng thành lập gia đình, có con, bà và ông Kh cùng các con thường tổ chức cho vợ chồng, con cháu đi chơi, mua sắm, ăn uống vào ngày nghỉ cuối tuần, cuộc sống vui vẻ, đầm ấm. Chỉ từ khi ông Kh nghỉ hưu, thường xuyên ra ngoài quan hệ đàn đúm với những người có tư cách đạo đức xấu, người thì bỏ chồng, người thì đối xử với bố mẹ không ra gì rồi về nhà đánh vợ, chửi con, sống không có tình nghĩa với bố mẹ, anh chị em trong gia đình, bà nói thì ông không nghe còn chửi, rủa bà là đồ ngu dề ra một lũ ngu đàn, bố mẹ dề bà đã chết rồi ông cũng chửi, thậm chí còn chửi cả họ nhà bà. Ngày 26/6/2016, ông Kh đưa bạn gái là bà Nguyễn Thị M quê ở thôn HB, xã H về đánh chửi bà tại nhà riêng của vợ chồng, bà phải làm đơn trình báo Ban Công an xã giải quyết. Từ đó, ông Kh tách ra nấu ăn riêng một mình, ngày nào cũng gây sự, đánh chửi mẹ con bà. Bà

công nhận tình cảm giữa bà và ông Kh không còn, hôn nhân không hạnh phúc, ở với nhau cũng không có tình nghĩa gì, nhưng do anh Tr chưa lấy vợ nên bà không đồng ý ly hôn, chỉ khi nào anh Tr lấy vợ, ổn định cuộc sống gia đình bà mới đồng ý ly hôn ông Kh.

2, Về con chung: Bà nhất trí với ông Kh khai về con chung của vợ chồng. Hiện nay các con đã thành niên có cuộc sống gia đình riêng và có việc làm thu nhập ổn định, nên không phải giải quyết về cấp dưỡng.

3, Về tài sản, công sức chung: Bà thống nhất với ý kiến của ông Kh, hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau về tài sản và công sức chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4, Về nợ chung, đất nông nghiệp chung: Không có.

Tại phiên toà, nguyên đơn là ông Nguyễn Quốc Kh kiên quyết xin ly hôn; bị đơn bà Nguyễn Thị T đồng ý ly hôn ông Kh và đề nghị Tòa án giải quyết để hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện hoàn toàn đầy đủ, đúng với các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn trong vụ án về cơ bản đã chấp hành đầy đủ các thông báo và quyết định tố tụng của Tòa án, chấp hành đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc Kh và bà Nguyễn Thị T; Về con chung, tài sản chung không phải giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tình cảm:

Ông Nguyễn Quốc Kh và bà Nguyễn Thị T kết hôn với nhau năm 1979, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, thành phố Hà Nội, hôn nhân đó là hợp pháp.

Ông bà sống với nhau hoà thuận, hạnh phúc từ sau khi cưới đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn vợ chồng, dẫn đến mâu thuẫn trong gia đình, ông Kh tách ra làm ăn riêng từ tháng 9/2016 đến nay. Nguyên nhân là do bà T nghi ngờ ông Kh có quan hệ ngoại tình với những người phụ nữ khác, từ đó cuộc sống vợ chồng, gia đình thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn căng thẳng.

Hội đồng xét xử thấy: Để có được một cuộc hôn nhân hoà thuận, hạnh phúc phải dựa trên cơ sở của sự thương yêu, tôn trọng, tin tưởng và giúp đỡ lẫn nhau giữa vợ chồng và người thân trong gia đình. Đối với ông Kh và bà T thì không được như vậy, mâu thuẫn giữa vợ chồng và các thành viên trong gia đình ông Kh

bà Tảo ngày càng trầm trọng. Theo ý kiến cung cấp của gia đình ông Kh và nhận xét của chính quyền, đoàn thể địa phương thì, mâu thuẫn giữa ông Kh bà T mới xảy ra từ tháng 6/2016 đến nay nhưng đã rất căng thẳng, gia đình và địa phương đã hòa giải nhưng không thành cho thấy mục đích của hôn nhân giữa ông Kh và bà T không đạt được là xây dựng một gia đình hạnh phúc, nếu tiếp tục tồn tại sẽ không đảm bảo bền vững, lâu dài. Ban đầu, bà T không đồng ý ly hôn vì lý do con trai là anh Tr chưa lấy vợ, tại phiên tòa hôm nay, bà T đồng ý ly hôn ông Kh vì vợ chồng sống với nhau không còn tình nghĩa gì, cuộc sống chung không hạnh phúc, Hội đồng xét xử thấy việc thuận tình ly hôn của ông bà là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên ghi nhận để giải phóng cho hai bên sớm ổn định cuộc sống riêng của mình.

[2] Về con chung: Vợ chồng ông Kh bà Tảo có 04 người con chung là: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981; Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1985 và Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1987. Các con gái ông bà đều đã lấy chồng ở riêng; anh Tr có công việc và thu nhập ổn định, tự lập được về kinh tế, khi ông bà ly hôn, ở với ai là do anh lựa chọn quyết định. Vì vậy, Tòa án không phải đặt ra giải quyết về cấp dưỡng.

3, Về tài sản, công sức chung: Ông Kh và bà T cùng có lời khai xác định hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau nên không kê khai đề yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử thấy quan điểm đó của đương sự là thể hiện quyền quyết định, tự định đoạt của mình phù hợp với quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[3] Về nợ và đất nông nghiệp chung: Hai bên xác định không có nên Tòa án không phải đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Kh phải chịu cả để sung công quỹ Nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 55 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 220, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Quốc Kh và bà Nguyễn Thị T.

2/ Về con chung: Xác định ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị T có 04 người con chung là: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1981, Nguyễn Thị H2, sinh năm 1983, Nguyễn Thị H3 sinh năm 1985 và Nguyễn Quốc Tr, sinh năm 1987. Các con gái ông bà đều đã có gia đình riêng; anh Tr có việc làm ổn định tự lập được về kinh tế, Tòa án không phải giải quyết về cấp dưỡng. Anh Tr ở với ông Khhay bà T là do anh tự lựa chọn, quyết định.

3/ Về tài sản chung, công sức chung: Ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị T cùng xác định tự thỏa thuận giải quyết với nhau, Tòa án không phải giải quyết.

4/ Về nợ chung và đất nông nghiệp chung: Hai bên xác định không có.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Nguyễn Quốc Kh phải chịu cả. Ông Kh đã nộp đủ 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000399 ngày 16/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh, nay được chuyển thành tiền án phí để sung công quỹ Nhà nước.

6/ Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Quốc Kh, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND. huyện Đ;
- Chi cục THADS. huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Lân

